

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Tập sở văn phòng tại Tp. HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.

Tel: + 84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG
TP. HỒ CHÍ MINH**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	08 - 09
4. Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 27



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, tên viết tắt là ACCCo, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Kiến trúc Xây dựng theo quyết định số 6503/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005263 ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, và đã điều chỉnh lần thứ ba vào ngày 08 tháng 03 năm 2011.

Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 98 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) 3 8484 085

Fax : +84 (8) 3 8484 148

3. Ngành nghề hoạt động

- Khảo sát địa chất xây dựng công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế xây dựng công trình điện;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

1031
CC
ACH
M TO
HU
5-7

- Lập quy hoạch chi tiết đô thị;
- Tư vấn thực hiện các thủ tục xây dựng cơ bản, lập dự án đầu tư, luận chứng kinh tế kỹ thuật, tổ chức chọn thầu, đấu thầu;
- Kiểm tra chất lượng công trình;
- Nghiên cứu khoa học về xây dựng: nền móng, kết cấu, vật liệu xây dựng, tôn tạo công trình;
- Thi công thực nghiệm, chuyển giao công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí sửa chữa công trình;
- Quy hoạch, lập dự toán, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi; thẩm tra thiết kế, dự án, dự toán; đánh giá tài sản, quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và lắp đặt các thiết bị cho các công trình: hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, bến cảng, sân bay, thủy lợi, bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc, đường dây trạm điện, cấp thoát nước, xử lý nước, xử lý môi trường, đánh giá tác động môi trường, xử lý chất thải rắn, bảo tồn, cảnh quang, cây xanh, chiếu sáng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Tư vấn xây dựng, đào tạo vận hành, bảo quản công trình, chuyển giao công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng;
- Thí nghiệm địa chất, đo đạc bản đồ địa hình, hiện trạng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng điện (lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu) cho các công trình đường dây và trạm điện biến áp đến 35KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp giao thông (cầu, đường bộ) (xây dựng và hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (xây dựng và hoàn thiện).

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Vũ Việt Hòa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Sáng	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Đàm	Thành viên
Ông Nguyễn Tự Khánh	Thành viên
Ông Thái Ngọc Hùng	Thành viên

4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Huế	Trưởng ban
Bà Tiêu Thị A	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh San	Thành viên

4.3. Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Sáng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dàm	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 27.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

- **Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.**

Ban điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các Công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Hội đồng quản trị



VŨ VIỆT HÒA
Chủ tịch Hội đồng quản trị





Số: 2292/12/BCKT/AUD-VVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 17 tháng 05 năm 2012 (từ trang 08 đến trang 27) của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định tại Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi không thể kiểm tra được đúng đắn số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định bằng các thủ tục kiểm toán khác;
- Đến thời điểm Báo cáo kiểm toán, Công ty chỉ đối chiếu được công nợ với tỷ lệ như sau:

- Phải thu khách hàng : 61,99%
- Khách hàng trả trước : 20,15%
- Phải trả cho người bán : 81,53%

Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được đúng đắn số dư của các khoản công nợ phải thu và nợ phải trả còn lại bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0851 /KTV

Huỳnh Trúc Lâm- Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		48.968.070.507	45.984.509.163
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	1.167.619.336	1.614.043.574
111	1. Tiền		1.167.619.336	1.614.043.574
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		15.471.606.000	12.849.651.800
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.2	15.471.606.000	12.849.651.800
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.130.554.985	2.829.642.153
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	4.875.341.340	2.545.035.538
132	2. Trả trước cho người bán	5.4	28.725.000	24.000.000
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.5	226.488.645	260.606.615
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	26.619.829.266	27.618.815.636
141	1. Hàng tồn kho		26.619.829.266	27.618.815.636
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		578.460.920	1.072.356.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		59.091.091	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		61.829	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	519.308.000	1.072.356.000
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		1.512.165.152	1.886.656.080
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.207.365.152	1.573.656.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	759.223.372	847.079.631
222	- Nguyên giá		2.380.185.038	2.097.451.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.620.961.666)	(1.250.372.088)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.9	448.141.780	726.576.449
228	- Nguyên giá		849.775.235	849.775.235
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(401.633.455)	(123.198.786)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		204.800.000	313.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.10	313.000.000	313.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	5.11	(108.200.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		100.000.000	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		100.000.000	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.480.235.659	47.871.165.243

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		42.447.925.548	41.629.328.336
310	I. Nợ ngắn hạn		42.284.548.004	41.587.842.175
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	5.12	4.742.262.020	2.633.027.583
313	3. Người mua trả tiền trước	5.13	32.976.323.841	34.857.793.034
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.14	924.092.750	902.979.775
315	5. Phải trả người lao động		2.714.171	2.714.171
316	6. Chi phí phải trả		3.720.000	3.720.000
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.15	3.359.420.610	2.997.024.954
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		276.014.612	190.582.658
330	II. Nợ dài hạn		163.377.544	41.486.161
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		163.377.544	41.486.161
337	5. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.032.310.111	6.241.836.907
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.16	8.032.310.111	6.241.836.907
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.000.000.000	3.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		210.606.731	107.817.325
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.333.544.274	1.024.300.314
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		271.018.280	170.911.603
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.217.140.826	1.938.807.665
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.480.235.659	47.871.165.243

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	5.17	54.380.454	54.380.454
3. Ngoại tệ các loại (USD)	5.1.2	55.573,71	55.580,49
4. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Giang

HUỲNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng

Phạm Văn Đàm

PHẠM VĂN ĐÀM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Sáng

NGUYỄN THỊ SÁNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

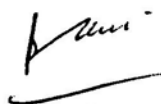
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	46.804.141.691	43.323.530.479
03	2. Các khoản giảm trừ		2.786.233	17.895.384
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.801.355.458	43.305.635.095
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	41.827.532.637	38.107.341.338
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.973.822.821	5.198.293.757
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	1.737.859.625	960.602.542
22	7. Chi phí tài chính	6.4	108.200.000	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	2.796.586.600	3.525.195.497
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.806.895.846	2.633.700.802
31	11. Thu nhập khác	6.6	42.209.720	24.084.596
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		42.209.720	24.084.596
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.849.105.566	2.657.785.398
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.7	592.999.777	446.514.567
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.256.105.789	2.211.270.831
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.8	10.854	7.371

Người lập biểu



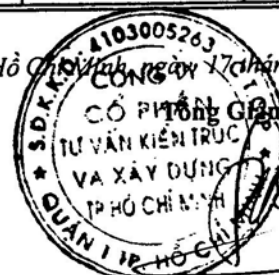
HUỖNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng



PHẠM VĂN ĐÀM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.



NGUYỄN THỊ SÁNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.849.105.566	2.657.785.398
	2. Điều chỉnh các khoản		649.024.247	400.840.619
02	- Khấu hao tài sản cố định		649.024.247	400.840.619
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.498.129.813	3.058.626.017
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.806.955.923)	(166.080.268)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		998.986.370	(14.063.478.365)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		832.777.274	18.935.280.896
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(100.000.000)	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(607.179.839)	(421.608.956)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.678.576.430	475.623.890
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(677.825.400)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.816.508.725	7.818.363.214
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(282.733.319)	(1.319.263.280)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.784.606.000)	(15.199.593.989)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.221.600.000	1.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.737.859.625	960.602.542
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.107.879.694)	(14.558.254.727)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.365.660.000)	(1.555.915.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.365.660.000)	(1.555.915.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(657.030.969)	(8.295.806.513)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.614.043.574	9.802.032.762
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		210.606.731	107.817.325
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	1.167.619.336	1.614.043.574

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Phụ trách kế toán

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ THANH GIANG

PHẠM VĂN ĐÀM

NGUYỄN THỊ SÁNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

1.2 Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, tên viết tắt là ACCCo, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Kiến trúc Xây dựng theo quyết định số 6503/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005263 ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, và đã điều chỉnh lần thứ ba vào ngày 08 tháng 03 năm 2011.

==
11
—
G
M
V
,
N
—
H

1.3 Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng.

1.4 Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát địa chất xây dựng công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế xây dựng công trình điện;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lập quy hoạch chi tiết đô thị;
- Tư vấn thực hiện các thủ tục xây dựng cơ bản, lập dự án đầu tư, luận chứng kinh tế kỹ thuật, tổ chức chọn thầu, đấu thầu;
- Kiểm tra chất lượng công trình;
- Nghiên cứu khoa học về xây dựng: nền móng, kết cấu, vật liệu xây dựng, tôn tạo công trình;
- Thi công thực nghiệm, chuyển giao công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí sửa chữa công trình;
- Quy hoạch, lập dự toán, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi; thẩm tra thiết kế, dự án, dự toán; đánh giá tài sản, quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và lắp đặt các thiết bị cho các công trình: hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, bến cảng, sân bay, thủy lợi, bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc, đường dây trạm điện, cấp thoát nước, xử lý nước, xử lý môi trường, đánh giá tác động môi trường, xử lý chất thải rắn, bảo tồn, cảnh quang, cây xanh, chiếu sáng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
Tư vấn xây dựng, đào tạo vận hành, bảo quản công trình, chuyển giao công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng;
Thi nghiệm địa chất, đo đạc bản đồ địa hình, hiện trạng;
- Thi nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
Tư vấn đầu tư xây dựng điện (lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu) cho các công trình đường dây và trạm điện biến áp đến 35KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp giao thông (cầu, đường bộ) (xây dựng và hoàn thiện);
Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (xây dựng và hoàn thiện).

75
TỶ
HƯ
I TI
VI
50

2 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC – Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 20.828 VNĐ/USD.

3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban điều hành Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.3 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Máy móc, thiết bị	03 - 09 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo quyết định của Đại hội cổ đông.

4.11 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thực thu và được chấp nhận thanh toán.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

4.14 Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo.
 - Doanh nghiệp chọn năm miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2008.
 - Năm 2011, công ty được giảm 50% thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.
 - Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân (do đáp ứng các tiêu chí về vốn và lao động theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp Nhỏ và Vừa).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	24.208.425	715.575.147
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.143.410.911	898.468.427
	Tổng cộng	1.167.619.336	1.614.043.574

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

STT	Tên ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam	- 273,71	1.135.511.984 5.700.832	- 280,49	616.906.234 5.310.237
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	2.111.036	-	275.001.386
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tân Sơn Nhất	-	87.059	-	1.250.570
Cộng		273,71	1.143.410.911	280,49	898.468.427

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 9 tháng.

STT	Tên ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam	- 55.300,00	6.200.000.000 1.151.788.400	- 55.300,00	6.500.000.000 1.046.939.600
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	5.906.817.600	-	3.672.712.200
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tân Sơn Nhất	-	1.913.000.000	-	1.630.000.000
4	Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Chợ Lớn	-	300.000.000	-	-
Cộng		55.300,00	15.471.606.000	55.300,00	12.849.651.800

5.3 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Đầu tư Kim Nam	600.000.000	-
- Trường Đại Học Mở TP.HCM	518.400.000	-
- Các khách hàng khác	3.756.941.340	2.545.035.538
Cộng	4.875.341.340	2.545.035.538

5.4 Trả trước cho người bán

Chủ yếu là khoản trả trước tiền thực hiện dự án Hilton Cam Ranh Resort.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Hilton Cam Ranh Resort	24.000.000	24.000.000
Các khách hàng khác	4.725.000	-
Cộng	28.725.000	24.000.000

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu nhóm cộng tác để thanh toán hợp đồng cung cấp dịch vụ số 24/09	134.545.000	134.545.000
Đoàn Vinh Quang	30.000.000	-
Tiền phải thu về đầu tư mua phần mềm VP KT3	29.032.000	29.032.000
Các khoản phải thu khác	32.911.645	97.029.615
Cộng	226.488.645	260.606.615

5.6 Hàng tồn kho

STT	Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.6.1	Nguyên vật liệu	-	-
5.6.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.6.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.619.829.266	27.618.815.636
5.6.4	Thành phẩm	-	-
5.6.5	Hàng hóa	-	-
5.6.6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được		26.619.829.266	27.618.815.636

5.6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Tư vấn thiết kế	25.897.634.853	26.525.000.620
- Khảo sát	345.944.413	805.065.016
- Thi công công trình	376.250.000	288.750.000
Cộng	26.619.829.266	27.618.815.636

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.7.1	Tạm ứng	15.000.000	24.091.000
5.7.2	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	504.308.000	1.048.265.000
Cộng		519.308.000	1.072.356.000

5.7.1 Tạm ứng

Là khoản tạm ứng thi công công trình của nhân viên Công ty.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyễn Thúc Hoàng	10.000.000	10.000.000
- Phó Doanh Khoa	5.000.000	14.091.000
Cộng	15.000.000	24.091.000

5.7.2 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Chủ yếu là khoản tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	519.266.927	454.135.920	1.124.048.872	2.097.451.719
2. Tăng trong năm	24.000.000	-	258.733.319	282.733.319
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	543.266.927	454.135.920	1.382.782.191	2.380.185.038
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	372.733.503	249.774.756	627.863.829	1.250.372.088
2. Tăng trong năm	54.763.807	45.413.592	270.412.179	370.589.578
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	427.497.310	295.188.348	898.276.008	1.620.961.666
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	146.533.424	204.361.164	496.185.043	847.079.631
2. Tại ngày cuối năm	115.769.617	158.947.572	484.506.183	759.223.372

Trong đó: Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là: 632.334.404 đồng.

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết và chờ thanh lý là: 165.921.765 đồng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	849.775.235	849.775.235
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	849.775.235	849.775.235
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	123.198.786	123.198.786
2. Tăng trong năm	278.434.669	278.434.669
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	401.633.455	401.633.455
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	726.576.449	726.576.449
2. Tại ngày cuối năm	448.141.780	448.141.780

5.13 Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Vinacomin Tower	3.446.718.430	3.446.718.430
- Trường ĐH công nghiệp TP HCM	2.027.714.109	2.027.714.109
- Các khách hàng khác	27.501.891.302	29.383.360.495
Cộng	32.976.323.841	34.857.793.034

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	560.381.754	471.642.873
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.868.942	310.049.004
- Thuế thu nhập cá nhân	67.842.054	121.287.898
Cộng	924.092.750	902.979.775

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa hoàn trả các đơn vị công ty	2.250.822.035	1.483.828.747
- Phải trả các xưởng tiền mua tài sản cố định	938.067.325	1.208.254.026
- Các khoản phải trả khác	170.531.250	304.942.181
Cộng	3.359.420.610	2.997.024.954

5.16 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000	53.251.199	564.964.960	73.404.375	2.038.308.872	5.729.929.406
Tăng trong năm trước	-	107.817.325	462.335.354	97.507.228	2.211.270.831	2.878.930.738
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	2.211.270.831	2.211.270.831
- Tăng khác	-	107.817.325	462.335.354	97.507.228	-	667.659.907
Giảm trong năm trước	-	53.251.199	3.000.000	-	2.310.772.038	2.367.023.237
- Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	-	754.857.038	754.857.038
- Giảm do chia cổ tức	-	-	-	-	1.555.915.000	1.555.915.000
- Giảm khác	-	53.251.199	3.000.000	-	-	56.251.199
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	3.000.000.000	107.817.325	1.024.300.314	170.911.603	1.938.807.665	6.241.836.907
Tăng trong năm nay	-	210.606.731	309.243.960	100.106.677	3.256.105.789	3.876.063.157
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	3.256.105.789	3.256.105.789
- Tăng khác	-	210.606.731	309.243.960	100.106.677	-	619.957.368
Giảm trong năm nay	-	107.817.325	-	-	1.977.772.628	2.085.589.953
- Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	-	609.563.991	609.563.991
- Giảm do chi cổ tức	-	-	-	-	1.365.660.000	1.365.660.000
- Giảm khác	-	107.817.325	-	-	2.548.637	110.365.962
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000	210.606.731	1.333.544.274	271.018.280	3.217.140.826	8.032.310.111

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

▪ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số lượng	Số tiền
- Vốn cổ đông Nhà nước	20,00 %	60.000	600.000.000
- Vốn cổ đông khác	80,00 %	240.000	2.400.000.000
Cộng	100,00 %	300.000	3.000.000.000

▪ **Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000	300.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	300.000	300.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000	300.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

▪ **Lợi nhuận chưa phân phối**

- Số dư đầu năm	1.938.807.665
- Tăng từ lợi nhuận trong năm	3.256.105.789
- Giảm trong năm:	(1.977.772.628)
+ Chi trả cổ tức	1.365.660.000
+ Trích lập các quỹ	609.563.991
+ Khấu trừ thuế về đầu tư vốn	440.000
+ Khác	2.108.637
Lợi nhuận chưa phân phối ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.217.140.826

5.17 Nợ khó đòi đã xử lý

Là khoản nợ của cán bộ đã nghỉ việc, nghỉ hưu, từ tuất giai đoạn trước cổ phần hóa.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tư vấn thiết kế	42.336.660.691	35.991.927.515
- Khảo sát công trình	2.536.539.091	4.953.717.930
- Xây dựng công trình	1.930.941.909	2.377.885.034
Cộng	46.804.141.691	43.323.530.479

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tư vấn thiết kế	37.748.822.422	31.870.883.274
- Xây dựng công trình	2.220.886.400	2.266.792.695
- Khảo sát công trình	1.857.823.815	3.969.665.369
Cộng	41.827.532.637	38.107.341.338

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi khoản tiền gửi ngân hàng.

6.4 Chi phí tài chính

Là chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty CP XNK TH Đồng Tháp (Docimexco)

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên văn phòng	2.135.653.031	2.766.656.728
- Chi phí vật liệu văn phòng	28.181.637	41.814.975
- Khấu hao tài sản cố định	61.710.469	52.595.972
- Thuế, phí lệ phí	1.500.000	1.500.000
- Chi phí bằng tiền khác	569.541.463	662.627.822
Cộng	2.796.586.600	3.525.195.497

6.6 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền sử dụng điện, nước	35.058.640	14.628.794
- Thu tiền thuê xe	7.090.906	9.090.903
- Thu nhập khác	60.174	364.899
Cộng	42.209.720	24.084.596

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Thu nhập tài chính	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.177.236.221	42.209.720	1.629.659.625	3.849.105.566
Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	-	-	(49.240.000)	(47.131.363)
- <i>Cổ tức nhận được</i>	-	-	(49.240.000)	(49.240.000)
Thu nhập chịu thuế	2.177.236.221	42.209.720	1.580.419.625	3.799.865.566
Thuế suất	25% X 50%	25%	25%	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.154.528	10.552.430	395.104.906	677.811.864
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(81.646.358)	(3.165.729)	-	(84.812.087)
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	190.508.170	7.386.701	395.104.906	592.999.777

(*) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân (do đáp ứng các tiêu chí về vốn và lao động theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp Nhỏ và Vừa.

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.256.105.789	2.211.270.831
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.256.105.789	2.211.270.831
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	300.000	300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.854	7.371

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Người lập biểu



HUỲNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng



PHẠM VĂN ĐÀM



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ SÁNG